

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2024

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Lê Văn Lộc.

2- Ông Hà Minh Hằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tăng Thị Điền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang:** Bà Lai Thị Ngọc Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 233/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 137/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2014, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1975 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 19/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Trần Văn L kết hôn với nhau năm 1991, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau, làm cho hạnh phúc không còn nữa, từ đó vợ chồng đã ly thân cho đến

nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn L.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 01/01/1992, Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 16/10/2004, Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 01/10/2007. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con Trần Thị Cẩm L, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Trần Thị Cẩm T, Nguyễn Duy Đ hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị Th thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn L Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu Th.

*Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Thu T vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như sau:*

Về hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn L.

Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi con tên Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 01/10/2007, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Trần Thị Cẩm T, Nguyễn Duy Đ hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Văn L.

Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu T xử giao cháu Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 01/10/2007 (theo nguyện vọng của cháu L) cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 01/01/1992 và Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 16/10/2004 đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Trần Văn L được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn L.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Văn L kết hôn với nhau năm 1991, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị T và anh L không hợp pháp.

Tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.*

*2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.*

*Khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:*

*“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.*

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Nguyễn Thị Thu T và anh Trần văn L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Văn L có 03 con chung tên Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 01/01/1992, Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 16/10/2004, Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 01/10/2007. Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi con tên Trần Thị Cẩm L, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Đối với Trần Thị Cẩm T, Nguyễn Duy Đ hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy yêu cầu

của chị T là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, cuộc sống của cháu L cũng ổn định, đồng thời cũng theo nguyện vọng của cháu L và bản thân chị T cũng có điều kiện để nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử giao cháu Trần Thị Cẩm L cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với Trần Thị Cẩm T và Nguyễn Duy Đ đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, như đã nhận định nêu trên.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Xử giao cháu Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 01/10/2007 cho chị Nguyễn Thị Thu T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 01/01/1992 và Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 16/10/2004 đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị T và anh L có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba

trăm ngàn đồng), theo lai thu số: 0003271 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị T biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/8//2024). Đối với anh L vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký và đóng dấu*

**Phạm Thanh Tâm**